

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /STP-XDKTVB

Lâm Đồng, ngày tháng 6 năm 2025

V/v hướng dẫn quy trình xây dựng Nghị
quyết QPPL của HĐND tỉnh và Quyết
định QPPL của UBND tỉnh.

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị
định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật. Đồng thời, để đảm bảo triển khai thực hiện đúng quy trình, trình
tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh,
Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật.

Sở Tư pháp trân trọng gửi các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện,
thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc Tài liệu hướng dẫn quy trình thực hiện công tác xây
dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân
tỉnh để nghiên cứu, tham khảo, phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm
pháp luật do cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu thực hiện.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc;
- Phó Giám đốc phụ trách;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, XDKTVB.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Tuyền

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
QUY TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VÀ QUYẾT ĐỊNH QUY PHẠM
PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHẦN I
QUY TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

I. Cơ sở pháp lý về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 tại điểm a, điểm q Khoản 1 Điều 15 quy định:

“1. Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương;

.....

q) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật”.

2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 tại Khoản 1 Điều 21 quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

c) Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;

d) Thực hiện thí điểm các chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương”.

II. Quy trình xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Bước 1: Đăng ký xây dựng Nghị quyết:

Cơ quan lập đề nghị đăng ký xây dựng Nghị quyết có trách nhiệm:

- Soạn thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

- + Sự cần thiết ban hành.
- + Phạm vi điều chỉnh.
- + Đối tượng áp dụng.
- + Các nội dung cần thiết khác.
- + Dự kiến thời gian trình thông qua.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Bước 2: Soạn thảo, lấy ý kiến, truyền thông dự thảo Nghị quyết:

Sau khi có văn bản chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh phân công; Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm soạn thảo Nghị quyết đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, lưu ý:

+ Việc lấy ý kiến xây dựng Nghị quyết còn phải đảm bảo theo quy định Điều 6 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

+ Văn bản lấy ý kiến góp ý phải ghi rõ việc gửi lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp (*theo quy định mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025*).

+ Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản được thực hiện theo Mẫu số 09 Phụ lục IV được ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

+ Việc truyền thông dự thảo Nghị quyết theo quy định Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Kế hoạch số 4657/KH-UBND ngày 28/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Triển khai thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác

động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL giai đoạn 2022-2027”.

+ Về thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo Phụ lục I và các mẫu số 17, mẫu số 18, mẫu số 31, mẫu số 36 Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Bước 3: Thẩm định dự thảo Nghị quyết:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo: Gửi Sở Tư pháp văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo.

Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 44 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

b) Sở Tư pháp: Tổ chức thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết và gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết; trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có các ý kiến khác nhau.

4. Bước 4: Lập hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sau khi chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; cơ quan chủ trì soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

+ Tài liệu quy định tại Khoản 2 Điều 45 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo.

+ Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

5. Bước 5: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc trình dự thảo Nghị quyết đến Hội đồng nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh.

6. Bước 6: Thẩm tra dự thảo Nghị quyết

Quy định tại Điều 47 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

7. Bước 7: Xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết

Quy định tại Điều 48 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

8. Bước 8: Đăng tải Nghị quyết trên công báo điện tử

Quy định tại Điều 7 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

PHẦN II

QUY TRÌNH XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

I. Cơ sở pháp lý về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 tại điểm b, điểm h Khoản 1 Điều 16 quy định:

“Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

b) Tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương;

.....

h) Ban hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật”.

2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 tại Khoản 2 Điều 21 quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

c) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”.

II. Quy trình xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bước 1: Đăng ký xây dựng Quyết định:

Cơ quan lập đề nghị đăng ký xây dựng Quyết định có trách nhiệm:

- Soạn thảo Văn bản đề nghị đăng ký xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP:

- + Sự cần thiết ban hành.
- + Phạm vi điều chỉnh.
- + Đối tượng áp dụng.
- + Các nội dung cần thiết khác.
- + Dự kiến thời gian ban hành.

2. Bước 2: Soạn thảo, lấy ý kiến, truyền thông dự thảo Quyết định:

Sau khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo có trách nhiệm soạn thảo Quyết định đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, lưu ý:

+ Việc lấy ý kiến xây dựng Nghị quyết còn phải đảm bảo theo quy định Điều 6 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

+ Văn bản lấy ý kiến góp ý phải ghi rõ việc gửi lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp (*theo quy định mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025*).

+ Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản được thực hiện theo Mẫu số 09 Phụ lục IV được ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

+ Việc truyền thông chính sách, dự thảo Nghị quyết theo quy định Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Kế hoạch số 4657/KH-UBND ngày 28/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Triển khai thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL giai đoạn 2022-2027” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

+ Về thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Quyết định được thực hiện theo Phụ lục I và các Mẫu số 19, Mẫu số 20, Mẫu số 32, Mẫu số 37 Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Bước 3: Thẩm định dự thảo Quyết định:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo: Gửi Sở Tư pháp văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn

bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo.

Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 49 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

b) Sở Tư pháp: Tổ chức thẩm định hồ sơ dự thảo Quyết định và gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định; trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có các ý kiến khác nhau.

4. Bước 4: Lập hồ sơ dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sau khi chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; cơ quan chủ trì soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

+ Tài liệu quy định tại Khoản 2 Điều 50 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo.

+ Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

5. Bước 5: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo Quyết định theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Bước 6: Thông qua dự thảo Quyết định theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Bước 7: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định.

8. Bước 8: Đăng tải Nghị quyết trên công báo điện tử

Quy định tại Điều 7 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

PHẦN III

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THEO TRÌNH TỰ THỦ TỤC RÚT GỌN

1. Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn:

Được quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025:

“Điều 50. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây:

a) Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ;

b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

c) Trường hợp cần tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

d) Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

đ) Trường hợp cần điều chỉnh thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn;

e) Trường hợp ban hành văn bản quy định chi tiết của văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt”.

2. Một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn:

- Cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng Văn bản đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn phải đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025:

a) Sự cần thiết ban hành, trong đó nêu rõ:

+ Vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

+ Dự báo tác động tiêu cực đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và hậu quả có thể xảy ra nếu không kịp thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết.

b) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

c) Dự kiến nội dung chính của văn bản quy phạm pháp luật;

d) Căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 *(như nêu trên)*.

- Xây dựng, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện theo Khoản 4 Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo;

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể đăng tải dự thảo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; có thể lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và thực hiện truyền thông nội dung dự thảo. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến ít nhất là 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia góp ý kiến.

- Hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định gồm:

+ Văn bản đề nghị thẩm định;

+ Dự thảo tờ trình;

+ Dự thảo văn bản;

+ Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có);

- Sở Tư pháp thực hiện thẩm định hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp hồ sơ có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời gian thẩm định 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo.

- Hồ sơ trình dự thảo Nghị quyết bao gồm: tờ trình; dự thảo văn bản; báo cáo thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định trong trường hợp nghị quyết do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình; báo cáo thẩm tra và tài liệu khác (nếu có).

- Hồ sơ trình dự thảo Quyết định bao gồm: tờ trình; dự thảo văn bản; báo cáo thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và tài liệu khác (nếu có).
